TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG
Bản án số: 53/2020/DSST
Ngày: 05 – 10 – 2020
" V/v Tranh chấp hợp đồng Vay tài sản"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM, TỈNH VĨNH LONG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Quế Hương**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Thu Hà**.

Bà **Nguyễn Thị Hồng Diễm**.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông **Kiều Minh Tiến** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm tham gia phiên tòa***: Không.

Ngày 05 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 52/2020/TLST - DS ngày 27 tháng 04 năm 2020 về "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2020/QĐXX - ST ngày 18 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Ánh N**, sinh năm: 1965 (có mặt).

Địa chỉ cư trú: ấp TT, xã TH, huyện V, tỉnh L.

- *Bị đơn*: 1. Bà **Lê Thị Ngọc T**, sinh năm: 1956 (có mặt).

2. Anh **Huỳnh Thanh T1**, sinh năm: 1979 (có mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: ấp PT, xã QT, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N trình bày*:

Vào ngày 20/3/2019 bà T có hỏi vay của bà số tiền 50.000.000đ khi vay bà T có viết biên nhận nợ cho bà, trên biên nhận có bà T và con của bà T là anh Huỳnh Thanh T1 ký tên. Sau đó, cũng trong tháng 03/2020 thì bà T có vay thêm số tiền 20.000.000đ nhưng không có làm biên nhận. Tổng cộng tiền vốn vay là 70.000.000đ, lãi suất thỏa thuận là 06%/tháng, bà T hẹn 06 tháng sau sẽ trả vốn và

lãi. Sau khi vay bà T có đóng lãi cho bà được số tiền như sau: Tháng 04 năm 2019 có đưa bà được số tiền là 5.000.000đ, ngày 11/7/2019 nhận 9.000.0000đ (trong đó nhận 1.000.000đ qua Thế giới di động và nhận 8.000.000đ qua Ngân hàng Vietcombank), ngày 24/8/2019 nhận số tiền 6.000.000đ qua Thế giới di động, ngày 09/9/2019 nhận số tiền là 2.000.000đ qua Thế giới di động, ngày 17/10/2019 nhận số tiền là 2.000.000đ qua Thế giới di động, ngày 12/11/2019 nhận số tiền là 5.000.000đ qua Thế giới di động, ngày 11/12/2019 nhận số tiền là 6.000.000đ qua Thế giới di động, ngày 11/01/2020 nhận số tiền là 5.000.000đ qua Thế giới di động. Như vậy bà đã nhận tiền qua các lần chuyển khoản là 40.000.000đ nhưng bà T cho rằng số tiền chuyển khoản qua các lần là 41.000.000đ thì bà cũng thống nhất và cộng với 5.000.000đ tiền mặt mà bà T đưa thì tổng cộng bà T đã đóng lãi cho bà N được số tiền là 46.000.000đ.

Nay bà đồng ý tính lãi đối với số tiền vay của bà T với mức lãi suất là 20%/năm tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 05/10/2020 là 01 năm 187 ngày thành tiền là 70.000.000đ x 20% + 70.000.000đ x 20% x (187/365) = 21.172.500đ nhưng bà N tính tròn là 21.000.000đ. Vì vậy, trừ đi số tiền lãi phải đóng là 21.000.000đ thì số tiền lãi đã đóng còn lại là 46.000.000đ – 21.000.000đ = 25.000.000đ trừ qua tiền vốn. Sau khi trừ thì bà T còn nợ lại bà số tiền vốn vay là 45.000.000đ.

Nay bà N yêu cầu bà T phải trả lại số tiền vốn vay là 45.000.000đ và tính lãi theo mức lãi suất là 20%/năm cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án.

Trước đây bà N có khởi kiện yêu cầu anh Thử cùng có trách nhiệm trả nợ với bà T, nay bà N xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với anh Thử, bà N chỉ yêu cầu một mình bà T có trách nhiệm trả nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Lê Thị Ngọc T trình bày*:

Ngày 20/03/2019 bà T có vay của bà N số tiền là 50.000.000đ, khi vay có làm biên nhận. Sau đó, cũng trong tháng 03 năm 2019 (bà T không nhớ ngày cụ thể) bà vay của bà N nhiều lần với tổng số tiền là 20.000.000đ. Tổng cộng các lần vay là 70.000.000đ. Khi vay có thỏa thuận lãi suất là 12%/tháng, không có thỏa thuận thời hạn trả. Sau khi vay bà T có đóng lãi cho bà N số tiền tổng cộng là 76.200.000đ; trong đó tháng 4, 5, 6 năm 2019 mỗi tháng bà T đưa tiền mặt cho bà N 8.400.000đ; tháng 7 và tháng 8 năm 2019 gửi nhiều lần qua số điện thoại của bà N tại Thế giới di động và chuyển khoản Ngân hàng được số tiền 24.000.000đ do con rể bà là anh Nguyễn Hoàng Lâm và con gái là Huỳnh Thị Bích Vân gửi; tháng 9 năm 2019 gửi

tiền mặt do bà gửi là 10.000.000đ; tháng 10 năm 2019 bà N cho tiền lãi nên không có gửi. Đến tháng 11 năm 2019 đưa số tiền 5.000.000đ; tháng 12 năm 2020 đưa số tiền 6.000.000đ; tháng 01 năm 2020 đưa số tiền 5.000.000đ (tháng 11, 12 năm 2019 và tháng 01 năm 2020 do chị Bích Vân gửi qua Thế giới di động có chứng từ kèm theo). Sau đó, bà có gửi thêm 1.000.000đ (không nhớ thời gian cụ thể) do Bích Vân gửi qua Thế giới di động.

Như vậy, bà đưa cho bà N tiền mặt tổng cộng là 35.200.000đ và tiền chuyển khoản do con rể bà là anh L và con của bà là chị Bích V chuyển là 41.000.000đ. Ngoài ra, bà N có kêu con rể của bà T là anh Lâm ký 01 biên nhận nợ là 120.000.000đ để anh Lâm trả nợ phụ cho bà T số tiền 70.000.000đ mà trước đây bà T nợ của bà N, thực chất là không có vay tiền.

Nay bà không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N, bà chỉ đồng ý trả lại cho bà N số tiền là 20.000.000đ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Huỳnh Thanh T1 trình bày:*

Vào đầu năm 2019 anh có ký tên trên biên nhận chứng kiến việc mẹ của anh là bà T vay của bà N số tiền là 50.000.000đ. Lúc đầu anh có nghe mẹ anh nói vay với lãi suất là 5%/tháng, nhưng sau đó nghe mẹ anh nói lại lãi suất là 12%/tháng. Đối với số tiền bà N cho bà T vay 20.000.000đ thì anh hoàn toàn không biết. Nay bà N rút lại yêu cầu đối với anh về việc cùng có trách nhiệm trả nợ với bà T thì anh thống nhất. Ngoài ra, anh không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ánh N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bà T và anh Thử. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bà N và bà T cùng thống nhất trong tháng 03 năm 2019 thì bà T có vay của bà N tổng số tiền vốn vay là 70.000.000đ. Khi vay tiền bà T có viết cho bà N 01 biên nhận ngày 20/3/2019 vay số tiền 50.000.000đ, số tiền vay còn lại là 20.000.000đ không có viết biên nhận nhưng bà T vẫn thừa nhận khoản vay này. Do

đó, Hội đồng xét xử khẳng định Hợp đồng vay tài sản giữa bà T với bà N là có thật trên thực tế.

[3] Sau khi vay bà T có nhiều lần đóng lãi cho bà N thông qua hình thức chuyển tiền và đưa tiền mặt. Bà N và bà T cùng thống nhất đã giao và nhận tiền thông qua hình thức chuyển tiền (thông qua chuyển khoản ngân hàng và dịch vụ chuyển tiền của Công ty cổ phần Thế giới đi động) là 41.000.000đ nên vấn đề này không cần phải chứng minh gì thêm. Đối với hình thức đưa tiền mặt thì bà T cho rằng đã đưa cho bà N số tiền 35.200.000đ, bà N không thừa nhận mà chỉ thừa nhận có nhận tiền mặt của bà T là 5.000.000đ; Ngoài lời trình bày thì bà T không cung cấp được văn bản, chứng từ hay tài liệu, chứng cứ chứng minh bà đã đưa cho bà N số tiền mặt là 35.200.000đ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày của bà T mà chỉ chấp nhận theo sự thừa nhận của bà N. Như vậy, tổng số tiền mà Trầm đã đóng lãi cho bà N là 46.000.000đ.

[4] Về lãi suất thì bà N cho rằng lãi suất thỏa thuận là 6%/tháng nhưng bà T lại cho rằng lãi suất là 12%/tháng. Đối với mức lãi suất do 02 bên trình bày đều cao hơn so với quy định. Nay bà N yêu cầu điều chỉnh lại lãi suất là 20%/năm, thời điểm tính lãi là từ ngày 01/04/2019 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án số tiền nhận còn thừa thì trừ vào tiền gốc. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu điều chỉnh lãi suất của bà N và thời gian bắt đầu tính lãi từ ngày 01/4/2019 (do các bên không xác định được khoản vay 20.000.000đ thời gian cụ thể ngày nào nhưng cùng thống nhất là khoản vay này phát sinh trong tháng 03/2019) là đảm bảo quyền lợi cho các bên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Như vậy, số lãi trên số nợ gốc 70.000.000đ tính đến ngày 05/10/2020 là 01 năm 187 ngày thành tiền là 70.000.000đ x 20% + 70.000.000đ x 20% x (187/365) = 21.172.500đ nhưng bà N tính tròn là 21.000.000đ. Vì vậy, trừ đi số tiền lãi phải đóng là 21.000.000đ thì số tiền lãi đã đóng còn lại là 46.000.000đ – 21.000.000đ = 25.000.000đ trừ qua tiền vốn. Sau khi trừ thì bà T còn nợ lại bà N số tiền vốn vay là 45.000.000đ.

[7] Từ những nhận định trên đã có đủ cơ sở để buộc bà Lê Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền vốn vay là 45.000.000đ.

Bà Nguyễn Thị Ánh N rút lại yêu cầu anh Huỳnh Thanh T1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Lê Thị Ngọc T nên đình chỉ đối với yêu cầu này.

[8] Án phí sơ thẩm:

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải nộp 2.258.500đ (hai triệu hai trăm năm mươi tám nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Bà Lê Thị Ngọc T,

sinh năm 1956 là người cao tuổi, có yêu cầu miễn án phí nên bà được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự, Điều 3, điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ánh N.

Buộc bà Lê Thị Ngọc T phải có nghĩa vụ trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền vốn vay là 45.000.000đ (bốn mươi lăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Đình chỉ đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Ánh N yêu cầu anh Huỳnh Thanh T1 cùng có trách nhiệm trả nợ với bà Lê Thị Ngọc T.

- *Án phí sơ thẩm:*

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị Ngọc T do bà Lê Thị Ngọc T là người cao tuổi.

+ Bà Nguyễn Thị Ánh N không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Ánh N số tiền tạm ứng án phí 1.750.000đ (Một triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008079 ngày 27/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý

do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Vũng Liêm;
-Chi cục THADS huyện Vũng Liêm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quế Hương